

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 18/2022/ HNGĐ-ST

Ngày 31/8/2022

V/v: “Không công nhận
vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Long Văn Hoàng.
2. Bà Tần Thị Thanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai
tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2022 về tranh chấp: “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phàn Thị H.

Địa chỉ: Thôn O, xã Bản Lầu, huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai. (Có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phàn Văn T.

Địa chỉ: Thôn O, xã Bản Lầu, huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai. -
(vắng mặt tại phiên tòa)..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2022 và bản lấy lời khai ngày 19/04/2022 nguyên đơn chị Phàn Thị H trình bày: Chị và anh Phàn Văn T lấy nhau năm 1992 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn mà chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào. Sau khi c¶ới nhau về thời gian đầu sống hoà thuận hạnh phúc. Đến tháng 5/ 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh

mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo động viên nhưng vợ chồng không sửa chữa được. Thời gian mâu thuẫn gần nhất vào tháng 03/2022. Chị Phan Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Phan Văn T được ly hôn.

Về con: Trước khi lấy nhau chị và anh T không ai có con riêng vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi lấy nhau về chị và anh T sinh được bốn người con chung là Phan Thị M sinh ngày 03/11/1993; cháu thứ hai là Phan Thị L sinh ngày 13/7/1996; cháu thứ ba là Phan Thị T sinh ngày 23/07/1998; cháu thứ tư là Phan Quang H sinh ngày 16/9/2002. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Trước khi kết hôn chị và anh T không có tài sản riêng gì vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung chị và anh T tự thỏa thuận vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Chị và anh T không nợ ai và không cho người khác vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện viện kiểm sát có ý kiến như sau:

+, Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về công tác xây dựng hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và đã chấp hành đúng các quy định của phiên tòa sơ thẩm, không vi phạm thủ tục tố tụng. Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử nhưng bị đơn Phan Văn T không có mặt. Chị Phan Thị H có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử Áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết .

+, Về hướng giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn và những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án. Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị Phan Thị H và anh Phan Văn T có mâu thuẫn do tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Anh, chị c[on]g h[ai] h[ai] hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nh[ư]ng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Vì vậy đã vi phạm vào khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện"; “ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Vì vậy nên không đ[ư]ợc pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay do mâu thuẫn gia đình chị Phan Thị H làm đơn xin ly hôn vì vậy không công nhận quan hệ giữa chị Phan Thị H và anh Phan Văn T là quan hệ vợ chồng.

Về con: Các cháu đã trưởng thành nên không giải quyết.

Về tài sản chung chị H và anh T đã tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã T hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn Phan Văn T theo quy định tại điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T không nhận và Tòa án đã T hành niêm yết theo quy định của pháp luật nhưng anh T không nộp hoặc gửi cho Tòa án văn bản hay ý kiến của mình đối với yêu cầu người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án đã thông báo tiếp cận công khai cứng cứ niêm yết hợp lệ nhưng anh T cố tình không đến tham gia tiếp cận công khai chứng cứ. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ. Trong vụ án này chị Phan Thị H và anh Phan Văn T không đăng ký kết hôn nên Tòa án không T hành hòa giải và đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử nhưng bị đơn Phan Văn T không có mặt. Chị Phan Thị H có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử Áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là phù hợp.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Chị Phan Thị H và anh Phan Văn T lấy nhau năm 1992 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn mà chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Anh, chị c̣ưới hỏi theo phong tục tập quán địa phựơng, nḥng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Vì vậy đã vi phạm vào khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện"; “ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Vì vậy nên không đ̣ược pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay do mâu thuẫn gia đình chị Phan Thị H làm đơn xin ly hôn vì vậy không công nhận quan hệ giữa chị Phan Thị H và anh Phan Văn T là quan hệ vợ chồng.

[3].Về con: Trước khi kết hôn anh, chị không ai con riêng vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

Con chung: Quá trình chung sống anh chị có bốn người con chung hiện nay các cháu đã trưởng thành chị H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết là phù hợp.

[4]. Về tài sản: Chị H không yêu cầu nên nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về khoản nợ: Chị H và anh T không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ vì vậy Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn quy định khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều khoản 1 Điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Phan Thị H và anh Phan Văn T là quan hệ vợ chồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Chị Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu AC - 21P số: 0006498 ngày 04/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Chị Phan Thị H và anh Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+ huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Bản Lầu;
- Các đương sự;
- Lưu tập án
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hải Quân